

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày 25-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Luyên

Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. P.T.T, sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xx, Khu phố x, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: khai thác cát; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P.V.T (chết) và bà Đ.T.B, sinh năm 1949; vợ: V.T.N.G, sinh năm 1988; con: có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 81/QĐ-XPHC ngày 16/12/2019 của Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép (nộp phạt xong ngày 24/12/2019); bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. N.V.Đ, sinh năm 1978 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xx/GL, ấp G, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.R, sinh năm 1962 và bà L.T.O, sinh năm 1962; vợ: N.T.S, sinh năm 1982; con: có 03 người con, con lớn sinh năm 2004, 02 con nhỏ cùng sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 82/QĐ-XPHC ngày 16/12/2019 của Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt

3.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép (nộp phạt xong ngày 24/12/2019); bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

P.T.T là chủ phương tiện tàu sắt, biển số kiểm soát BTr - 8006, trọng tải 112 tấn, có trang bị đầy đủ dụng cụ dùng để bơm hút cát. Vào ngày 16/12/2019, P.T.T sử dụng phương tiện trên cùng với N.V.Đ đi khai thác cát sông trái phép nên đã bị Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 3.000.000 đồng. Sau khi chấp hành xong quyết định P.T.T vẫn tiếp tục vi phạm. Vào đêm 27/02/2020, P.T.T thuê N.V.Đ để cùng với P.T.T sử dụng phương tiện tàu sắt biển kiểm soát BTr - xxxx do P.T.T điều khiển. Khi đến thủy phận sông Hàm Luông, thuộc xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tại tọa độ X: 1107476; Y: 586614 P.T.T cho tàu dừng lại, cùng với N.V.Đ thả ống hút cát xuống sông. Trong lúc cả hai đang vận hành máy bơm hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của tàu sắt, đến khoảng 04 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Tổ tuần tra - Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang và tiến hành lập biên bản sự việc. Tại thời điểm bị bắt giữ lượng cát khai thác trái phép trong khoang tàu là 45,5m³.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) tàu sắt, số đăng ký: BTr - 8006, kích thước: dài 25,6m, rộng 5,2m, chìm 1,55m, trọng tải toàn phần 112 tấn;
- 01 (một) máy tàu (máy chính), nhãn hiệu DAEWOO-6, công suất 130 CV;
- 01 (một) máy bơm hút cát (không rõ nhãn hiệu, công suất);
- 01 (một) máy kéo, thả neo, nhãn hiệu YANMAR NS40G, không rõ công suất;
- 03 (ba) đầu bơm hút cát, chất liệu bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu;
- 01 (một) ống cao su, kích thước: dài 1,62m, chu vi: 0,85m;
- 01 (một) ống sắt, kích thước: dài 2,3m, chu vi 0,73m;
- 01 (một) ống cao su, kích thước: dài 18m, chu vi 0,85m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 1,7m, chu vi 0,40m;
- 01 (một) ống cao su, kích thước: dài 7,2m, chu vi 0,45m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 4,1m, chu vi 0,35m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 07m, chu vi 0,22m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 04m, chu vi 0,18m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 06m, chu vi 0,18m;
- Mẫu cát ký hiệu KS-PC03-8006-ĐT (được dán niêm phong ghi ngày 18/8/2020, QĐ 80-12/5/2020).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HDDG ngày 28/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre, kết luận: 45,5m³ cát sông trị giá 3.003.000 đồng (ba triệu không trăm lẻ ba ngàn đồng).

Tại Bản kết luận giám định tư pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ngày 17/8/2020, kết luận: mẫu KS-PC03-8006-ĐT được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre gửi giám định được xác định là: là khoáng sản.

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSBT-P1 ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố P.T.T và N.V.Đ về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: lời khai của các bị cáo P.T.T và N.V.Đ phù hợp với nhau; phù hợp với vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản. Trước đó vào ngày 16/12/2019, P.T.T và N.V.Đ đều bị Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 3.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép. Đến ngày 27/02/2020, P.T.T và N.V.Đ lại tiếp tục có hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép với khối lượng 45,5m³ thì bị Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bến Tre phát hiện bắt quả tang. Vì vậy Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố P.T.T và N.V.Đ về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo P.T.T và N.V.Đ phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo P.T.T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.V.Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù;

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ vật chứng gồm: 01 tàu sắt, số đăng ký BTr - 8006, trọng tải toàn phần 112 tấn, cùng dụng cụ bơm hút cát được nêu trong Cáo trạng và theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

Tịch thu trả lại lòng sông Hàm Luông mẫu cát ký hiệu KS-PC03-xxxx-ĐT theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

- Bị cáo P.T.T trình bày lời khai: khoảng 03 giờ sáng ngày 27/02/2020; bị cáo điện thoại cho bị cáo N.V.Đ là người làm thuê cho bị cáo đến nơi neo đậu tàu sắt biển số BTr - xxxx tại cống Mương Đào thuộc xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre để cùng đi khai thác cát trái phép. N.V.Đ xuống tàu mở dây neo, bị cáo khởi động máy chính điều khiển tàu chạy ra sông Hàm Luông khoảng 02 km đến gần khu vực Cù Lao Đất thì dừng lại. N.V.Đ thả neo; bị cáo và N.V.Đ cùng thả ống hút cát xuống sông, bị cáo khởi động máy hút cát để hút cát từ lòng sông lên tàu sắt, thời gian hút cát từ khoảng 03 giờ 30 phút đến 04 giờ 20 phút, khi cả hai đang hút cát lên đầy tàu sắt thì bị Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bến Tre đến bắt quả tang, lập biên bản sự việc, xác định khối lượng cát khai thác trái phép trong khoang tàu lúc đó là 45,5m³. Tàu sắt biển số BTr - xxxx và toàn bộ dụng cụ bơm hút cát thuộc sở hữu của bị cáo; bị cáo thuê N.V.Đ đi bơm hút cát trái phép và trả tiền công cho N.V.Đ mỗi chuyến từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố; yêu cầu Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và xem xét trả lại tàu sắt biển số BTr - xxxx cùng toàn bộ dụng cụ bơm hút cát cho bị cáo.

- Bị cáo N.V.Đ trình bày lời khai: bị cáo đi làm thuê cho bị cáo P.T.T. Khoảng 03 giờ ngày 27/02/2020; bị cáo P.T.T điện thoại kêu bị cáo đi tàu sắt với P.T.T để khai thác cát trái phép; bị cáo đến nơi neo đậu tàu sắt tại cống Mương Đào thuộc ấp G, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, bị cáo xuống tàu mở dây neo, P.T.T khởi động máy chính điều khiển tàu ra giữa sông Hàm Luông khoảng 02 km gần khu vực Cù Lao Đất thì dừng lại; bị cáo thả neo, rồi cùng P.T.T thả ống hút cát xuống sông, P.T.T khởi động máy hút cát để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của tàu sắt, hút cát khoảng 40 đến 50 phút thấy cát đầy khoang chứa, trong lúc bị cáo và P.T.T đang hút cát đến khoảng 04 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bến Tre đến bắt quả tang, kiểm tra, đo đạc lúc đó bị cáo và P.T.T đã hút cát lên tàu được 45,5m³; P.T.T thuê bị cáo đi bơm hút cát nếu ở gần thì trả tiền công 200.000 đồng/chuyến, ở xa thì trả tiền công 300.000 đồng/chuyến. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố; yêu cầu Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận.

Bị cáo P.T.T nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo N.V.Đ nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, có cơ sở xác định: vào ngày 16/12/2019, P.T.T và N.V.Đ đều bị Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 3.000.000 đồng về hành vi khai thác cát sông trái phép, đã chấp hành xong. Đến ngày 27/02/2020, P.T.T và N.V.Đ lại tiếp tục sử dụng tàu sắt biển kiểm soát BTr - xxxx, trọng tải 112 tấn, có trang bị dụng cụ bơm hút cát, khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép ở tọa độ X: 1107476; Y: 586614, trên tuyến sông Hàm Luông thuộc xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre thì bị Tổ tuần tra của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang, lập biên bản sự việc với khối lượng cát đã khai thác trái phép là 45,5m³. Theo Kết luận giám định tư pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ngày 17/8/2020, kết luận: mẫu KS-PC03-xxxx-ĐT được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre gửi giám định được xác định: là khoáng sản. Với ý thức, hành vi, nhân thân và hậu quả xảy ra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo P.T.T và N.V.Đ về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” với tình tiết định khung “*Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” theo điểm d khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù trước đó vào ngày 16/12/2019 đã bị Công an huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền là 3.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với khối lượng khoáng sản đã khai thác là 07m³ cát, nộp phạt xong và

không có khiếu nại, khởi kiện gì khác đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên. Trong thời gian được xem là chưa được xóa tiền sự, thì vào ngày 27/02/2020 các bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép; các bị cáo sử dụng phương tiện tàu sắt được trang bị đầy đủ dụng cụ bơm hút cát nhằm thực hiện việc bơm hút cát trái phép một cách nhanh lẹ, đồng thời thực hiện việc bơm hút cát trái phép vào đêm tối để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Khi bị xử phạt vi phạm hành chính trước đó, các bị cáo cũng đã được cơ quan chức năng giải thích, thông báo không được tiếp tục thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép, nếu tiếp tục vi phạm thì sẽ bị xử lý hình sự nhưng các bị cáo không dừng lại mà vẫn tiếp tục cố ý thực hiện hành vi sai phạm nêu trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thể hiện ý thức xem thường pháp luật, vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường sinh thái và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo P.T.T; mặc dù về nhân thân vào ngày 11/9/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép; vào ngày 31/12/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép. Tuy nhiên; bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như không có tiền án, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã P.T.T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có bà ngoại tên Đ.T.T được tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, có di ruột tên Đ.T.E được công nhận liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo N.V.Đ; mặc dù về nhân thân vào ngày 24/02/2017 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép; vào ngày 25/5/2018 bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép. Tuy nhiên; bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như không có tiền án, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, thuộc diện hộ nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Qua xem xét

tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý và áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Khi bị bắt quả tang, các bị cáo P.T.T và N.V.Đ đã bơm trả lại lòng sông Hàm Luông khối lượng 45,5m³ cát đã khai thác trái phép theo Biên bản xử lý tang vật vi phạm hành chính là khoáng sản ngày 27/02/2020 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Bến Tre (bút lục số 14, 15), nên ghi nhận.

[5.2] Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bến Tre đã thu giữ 01 tàu sắt, số đăng ký: BTr - xxxx, trọng tải toàn phần 112 tấn, cùng các máy tàu, máy bơm hút và các ống nhựa; tài sản này hiện đang do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre quản lý. Xét thấy đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo P.T.T; do bị cáo có lỗi đã sử dụng các công cụ, phương tiện này để khai thác cát trái phép, vì vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ số vật chứng này là phù hợp.

[5.3] Đối với mẫu cát ký hiệu KS-PC03-xxxx-ĐT do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre quản lý, cần tịch thu để trả trở về môi trường lòng sông Hàm Luông là phù hợp.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo N.V.Đ và xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo P.T.T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù; xét thấy bị cáo P.T.T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên; ngoài ra bị cáo P.T.T còn bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ phương tiện, việc bị tịch thu toàn bộ phương tiện phần nào cũng đã gây khó khăn về kinh tế cho bị cáo P.T.T. Vì vậy, xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo P.T.T là có phần nghiêm khắc, chỉ cần áp dụng hình phạt theo mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Đối với các bị cáo P.T.T và N.V.Đ yêu cầu được hưởng án treo. Xét thấy các bị cáo có tiền sự do đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy yêu cầu được hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đối với bị cáo P.T.T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với hành vi khai thác tài nguyên (cát sông) trái phép vào ngày 31/12/2017 của P.T.T, do chưa đủ yếu tố cấu thành “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” nên không xem xét xử lý hình sự.

[9] Về án phí:

Bị cáo P.T.T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N.V.Đ được miễn nộp tiền án phí do thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo P.T.T và N.V.Đ phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo P.T.T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.V.Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Ghi nhận các bị cáo P.T.T và N.V.Đ đã bơm trả lại lòng sông Hàm Luông khối lượng 45,5m³ cát đã khai thác trái phép theo Biên bản xử lý tang vật vi phạm hành chính là khoáng sản ngày 27/02/2020 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Bến Tre.

2.2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước toàn bộ số vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, gồm:

- 01 (một) tàu sắt, số đăng ký: BTr - 8006, kích thước: dài 25,6m, rộng 5,2m, chìm 1,55m, trọng tải toàn phần 112 tấn;

- 01 (một) máy tàu (máy chính), nhãn hiệu DAEWOO-6, công suất 130 CV;

- 01 (một) máy bơm hút cát (không rõ nhãn hiệu, công suất);

- 01 (một) máy kéo, thả neo, nhãn hiệu YANMAR NS40G, không rõ công suất;

- 03 (ba) đầu bơm hút cát, chất liệu bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu;

- 01 (một) ống cao su, kích thước: dài 1,62m, chu vi: 0,85m;

- 01 (một) ống sắt, kích thước: dài 2,3m, chu vi 0,73m;
- 01 (một) ống cao su, kích thước: dài 18m, chu vi 0,85m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 1,7m, chu vi 0,40m;
- 01 (một) ống cao su, kích thước: dài 7,2m, chu vi 0,45m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 4,1m, chu vi 0,35m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 07m, chu vi 0,22m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 04m, chu vi 0,18m;
- 01 (một) ống nhựa, kích thước: dài 06m, chu vi 0,18m;

2.3. Tịch thu để trả trở về môi trường lòng sông Hàm Luông mẫu cát ký hiệu KS-PC03-8006-ĐT (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Bị cáo P.T.T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo N.V.Đ được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã A, h. Ba Tri (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (6b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông